

## CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG

Nguyễn Thị Ngọc Nga\*

Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM

\*Tác giả liên hệ: [ngantn@buh.edu.vn](mailto:ngantn@buh.edu.vn)

### TÓM TẮT

*Kết quả học tập của sinh viên là vấn đề được rất nhiều trường Đại học quan tâm hiện nay. Nghiên cứu này được thực hiện nhằm xác định các nhân tố tác động đến kết quả học tập của sinh viên trường Đại học Văn Lang. Bằng các phương pháp đánh giá độ tin cậy của thang đo Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá (EFA), phân tích hồi quy bội với mẫu 480 sinh viên Văn Lang, kết quả nghiên cứu cho thấy sự tương tác với giảng viên, sự tham gia vào lớp học, khả năng tự học đều có tác động tích cực đến kết quả học tập của sinh viên trường đại học Văn Lang. Do đó, để nâng cao kết quả học tập của sinh viên, trường đại học Văn Lang cần chú trọng nâng cao sự hài lòng của sinh viên về các nhân tố này.*

**Từ khóa:** *Kết quả học tập, phân tích nhân tố khám phá, Đại học Văn Lang*

## FACTORS AFFECTING THE LEARNING OUTCOMES OF STUDENTS AT VAN LANG UNIVERSITY

Nguyen Thi Ngoc Nga

Banking University of Ho Chi Minh City

\*Corresponding Author: [ngantn@buh.edu.vn](mailto:ngantn@buh.edu.vn)

### ABSTRACT

*Student's learning outcomes are a matter of great concern to many universities today. This study was conducted to determine the factors affecting the learning outcomes of students at Van Lang University. By methods to assess the reliability of Cronbach's Alpha scale, exploratory factor analysis (EFA), multiple regression analysis with a sample of 480 Van Lang students, the research results show that the interaction with lecturers, class participation, self-study ability all have a positive impact on the learning outcomes of students at Van Lang University. Therefore, Van Lang University needs to focus on improving student satisfaction on these factors to improve student learning outcomes.*

**Keywords:** *Learning outcomes, exploratory factor analysis, Van Lang University*

### ĐẶT VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và cách mạng công nghệ 4.0 đang diễn ra mạnh

mẽ như hiện nay, chất lượng nguồn nhân lực là một yếu tố sản xuất đóng vai trò quyết định sự phát triển của các quốc gia. Để có được nguồn nhân lực với chất

lượng tốt, công tác giáo dục và trên hết là chất lượng đào tạo luôn được các quốc gia quan tâm. Chất lượng đào tạo của mỗi cơ sở giáo dục được thể hiện thông qua nhiều khía cạnh, trong đó quan trọng nhất là kết quả học tập của sinh viên.

Để nâng cao chất lượng đào tạo, nhiều nghiên cứu trong và ngoài nước đã được thực hiện để xác định các nhân tố tác động đến kết quả học tập của sinh viên. Các nghiên cứu này đã chỉ ra nhiều yếu tố tác động đến kết quả học tập của sinh viên nhưng hầu hết tập trung vào các nhân tố như sự tham gia của sinh viên vào lớp học, sự tương tác với giảng viên, và khả năng tự học của sinh viên (Đặng Thu Hà, 2017; Ko và cộng sự, 2015; Kim, 2015). Mặc dù nhiều nghiên cứu về các nhân tố tác động đến động lực học tập của sinh viên đã được thực hiện nhưng đây vẫn là chủ đề luôn được các trường đại học quan tâm. Bởi lẽ, mỗi trường đại học có một điều kiện học tập, đội ngũ giảng viên, cách thức quản lý, ... khác nhau và do đó các nhân tố tác động và mức độ tác động của các nhân tố này đến kết quả học tập của sinh viên theo đó cũng khác nhau. Chính vì vậy, để xác định chính xác các nhân tố tác động đến kết quả học tập của sinh viên, mỗi trường đại học cần phải thực hiện nghiên cứu độc lập để có thể thu được kết quả tốt nhất. Từ kết quả đó, mỗi trường đại học mới có thể xây dựng các giải pháp khả thi để thúc đẩy kết quả học tập của sinh viên và chất lượng đào tạo của nhà trường.

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm xác định các nhân tố tác động đến kết quả học tập của sinh viên trường Đại học Văn Lang. Từ đó, đề xuất các hàm ý quản trị đối với ban lãnh đạo Nhà trường nhằm nâng cao kết quả học tập của sinh viên.

## **CƠ SỞ LÝ THUYẾT VỀ CÁC NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN KẾT QUẢ HỌC TẬP**

Nhiều nghiên cứu đã được thực hiện để xác định các nhân tố tác động đến kết quả học tập của sinh viên, có thể kể đến như:

Nghiên cứu của Kim (2015) về ảnh hưởng của các hoạt động thảo luận, tương tác với giảng viên, tự định hướng học tập đến kết quả học tập của sinh viên. Mục đích của nghiên cứu này là xác nhận mối quan hệ cấu trúc giữa các hoạt động thảo luận, tương tác với giảng viên, học tập tự định hướng và kết quả học tập của sinh viên đại học. Dữ liệu được thu thập thông qua Đánh giá Quốc gia về Mức độ Tham gia của Học sinh trong Học tập (NASEL). NASEL được phát triển như một phần của việc thực hiện 'nghiên cứu chiến lược nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập của trường đại học' như một phần của kế hoạch 5 năm (2013-2017) của Viện Phát triển Giáo dục Hàn Quốc. Nghiên cứu này sử dụng dữ liệu từ tổ chức của tác giả từ một cuộc khảo sát quốc gia năm 2013 về quá trình dạy và học của sinh viên đại học Hàn Quốc, trong đó 28.095 sinh viên trong 47 trường cao đẳng hệ 4 năm đã tham gia. Mẫu bao gồm 336 người trả lời khảo sát. Phân tích thống kê đã chứng minh rằng các tương tác với giảng viên và năng lực học tập tự định hướng ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả học tập. Tuy nhiên, các hoạt động thảo luận không có tác động đáng kể đến kết quả học tập trừ khi năng lực học tập tự định hướng được sử dụng làm tham số. Tương tự, các tương tác với giảng viên có tác động gián tiếp đến kết quả học tập bằng cách sử dụng khả năng học tập tự định hướng làm tham số. Trên cơ sở kết quả, tác giả cũng đã đề xuất một số hàm

ý chính sách cho các trường đại học Hàn Quốc.

Nghiên cứu của Ko và cộng sự (2015) về mối quan hệ giữa tham gia của sinh viên và kết quả học tập tại Hàn Quốc. Mục đích của nghiên cứu này là để xem xét các mối quan hệ cấu trúc giữa kết quả học tập của sinh viên và các yếu tố liên quan đến những kết quả này, bao gồm môi trường đại học, sự tham gia trong lớp học, tương tác giữa sinh viên và giảng viên và tích hợp kinh nghiệm. Nghiên cứu tập trung vào tác động của môi trường đại học và sự tham gia của lớp học đối với kết quả học tập, và về tác động trung gian của việc tích hợp trải nghiệm đại học của sinh viên. Sử dụng dữ liệu từ 18.551 sinh viên tại 32 trường đại học ở Hàn Quốc, nghiên cứu này sử dụng mô hình phương trình cấu trúc để điều tra mối quan hệ cấu trúc giữa các biến. Nhóm tác giả thấy rằng môi trường đại học, sự tương tác giữa sinh viên và giảng viên, và sự tham gia vào lớp học có những tác động đáng kể đến việc cải thiện kết quả học tập của sinh viên và có liên quan gián tiếp với kết quả học tập thông qua tích hợp trải nghiệm. Cuối cùng, nhóm tác giả đã thảo luận về những tác động đối với nghiên cứu và phát triển chính sách trong tương lai liên quan đến kết quả học tập của sinh viên đại học ở Châu Á.

Nghiên cứu của Đặng Thu Hà (2017) về sự ảnh hưởng của các nhân tố đến kết quả học tập của sinh viên hệ liên thông cao đẳng – đại học ngành kế toán, trường đại học công nghiệp Hà Nội. Với dữ liệu khảo sát được từ 290 sinh viên tại trường đại học công nghiệp Hà Nội, nghiên cứu đã sử dụng các phương pháp đánh giá độ tin cậy của thang đo Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá (EFA), phân tích hồi quy bội để xác định các nhân tố

tác động đến kết quả học tập của sinh viên tại trường đại học công nghiệp Hà Nội. Kết quả nghiên cứu đã cho thấy các nhân tố bao gồm Khả năng tự học của sinh viên có ảnh hưởng trực tiếp và thuận chiều đến kết quả học tập; các nhân tố Sự tham gia của lớp học, Sự tương tác với giảng viên về các vấn đề ngoài môn học (nghề nghiệp, công việc...) không ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả học tập nhưng có ảnh hưởng gián tiếp thông qua Khả năng tự học của sinh viên; Sự tương tác với giảng viên về các vấn đề liên quan đến môn học (nội dung, bài tập, điểm, bài kiểm tra...) có ảnh hưởng nhưng không đáng kể đến kết quả học tập và Khả năng tự học của sinh viên. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, các tác giả đã đưa ra một số hàm ý chính sách nhằm nâng cao kết quả học tập của sinh viên trường đại học công nghiệp Hà Nội.

Từ lược khảo nghiên cứu liên quan có thể thấy các nghiên cứu trên đều đánh giá các nhân tố tác động đến kết quả học tập của sinh viên trong một trường hợp cụ thể. Điều này cho thấy kết quả học tập là một yếu tố dễ dàng thay đổi, tùy thuộc vào môi trường và điều kiện của từng tổ chức. Do đó, để có kết quả tốt nhất cần phải thực hiện nghiên cứu về các nhân tố tác động đến kết quả học tập của sinh viên trong từng trường hợp cụ thể. Bên cạnh đó, một vấn đề mà các nghiên cứu trước đây gặp phải là chưa kiểm định cũng như xử lý triệt để các hiện tượng đa cộng tuyến, tự tương quan và phương sai thay đổi.

## **PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

### **Các giả thuyết nghiên cứu**

Trên cơ sở các nghiên cứu liên quan của Ko và cộng sự (2015), Kim (2015), Đặng Thu Hà (2017), tác giả đề xuất các giả thuyết nghiên cứu như sau:

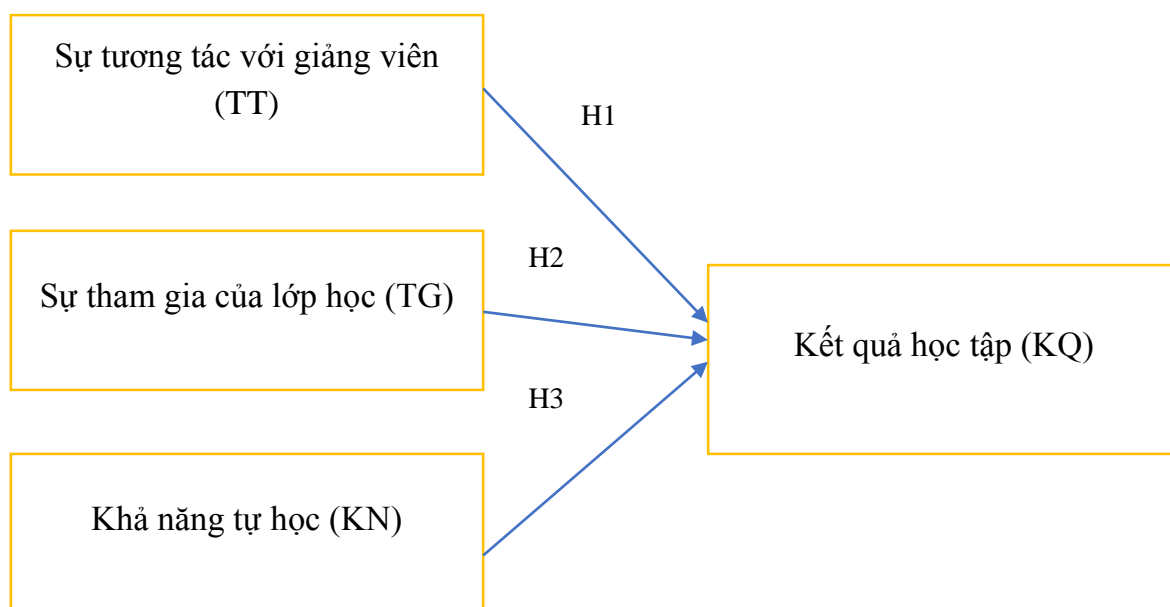
H1: Sự tương tác với giảng viên có tác động đến kết quả học tập của sinh viên ngành tài chính ngân hàng trường đại học Văn Lang.

H2: Sự tham gia của lớp học có tác động đến kết quả học tập của sinh viên ngành tài chính ngân hàng trường đại học Văn Lang.

H3: Khả năng tự học có tác động đến kết quả học tập của sinh viên ngành tài chính ngân hàng trường đại học Văn Lang.

### Mô hình nghiên cứu

Trên cơ sở các giả thuyết nghiên cứu cũng như các nghiên cứu liên quan của Ko và cộng sự (2015), Kim (2015), Đặng Thu Hà (2017), tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu các nhân tố tác động đến kết quả học tập của sinh viên trường Đại học Văn Lang như sau:



**Hình 1: Mô hình nghiên cứu đề xuất**

Mô hình nghiên cứu bao gồm 3 nhân tố là sự tương tác với giảng viên, sự tham gia của lớp học, khả năng tự học tác động đến kết quả học tập của sinh viên

trường Đại học Văn Lang. Các thang đo trong mô hình nghiên cứu được trình bày trong bảng sau.

**Bảng 1: Các thang đo trong mô hình**

Ký hiệu	Các thang đo	Nguồn
<b>Kết quả học tập</b>		
KQ1	Tôi đã gặt hái được nhiều kiến thức từ các môn học	
KQ2	Tôi đã phát triển được nhiều kỹ năng từ các môn học	

KQ3	Tôi có thể ứng dụng được những gì đã học từ các môn học	Ko và cộng sự (2015), Kim (2015), Đặng Thu Hà (2017)
KQ4	Tôi đã hiểu thêm về khả năng của bản thân mình	
KQ5	Tôi học được cách nhận định và phân tích một vấn đề	
<b>Sự Tham gia của lớp học</b>		
TG1	Tham gia đầy đủ các buổi học trên lớp	Ko và cộng sự (2015), Kim (2015), Đặng Thu Hà (2017)
TG2	Chú ý lắng nghe giảng viên giảng bài	
TG3	Trả lời các câu hỏi của giảng viên trên lớp	
TG4	Tham gia thuyết trình và thảo luận trong lớp	
TG5	Phát triển, nâng cao các câu hỏi mà lớp tò mò, băn khoăn	
<b>SỰ TƯƠNG TÁC VỚI GIẢNG VIÊN</b>		
TT1	Trao đổi, thảo luận với giảng viên về đăng ký môn học	Ko và cộng sự (2015), Kim (2015), Đặng Thu Hà (2017)
TT2	Trao đổi, thảo luận với giảng viên về nội dung hoặc bài tập của môn học	
TT3	Trao đổi, thảo luận với giảng viên về các bài kiểm tra và điểm kiểm tra	
TT4	Thảo luận, nói chuyện với giảng viên về nghề nghiệp/công việc hiện tại của mình	
TT5	Thảo luận, trao đổi với giảng viên các vấn đề ngoài môn học hoặc nghề nghiệp	
<b>KHẢ NĂNG TỰ HỌC</b>		
KN1	Có thể kết nối tư tưởng và khái niệm từ các môn học khi làm bài tập hoặc thảo luận trong lớp	Ko và cộng sự (2015), Kim (2015), Đặng Thu Hà (2017)
KN2	Cố gắng tìm kiếm các giải pháp hoặc giải pháp thay thế cho các vấn đề gặp phải trong học tập	

KN3	Áp dụng các kiến thức đã học từ các môn học vào trong công việc, cuộc sống hằng ngày	
KN4	Giải thích được các bài học trong lớp với bạn bè cùng lớp hoặc người khác	
KN5	Tham gia vào các hoạt động nghiên cứu liên quan đến công việc và nghề nghiệp	

(Nguồn: Đề xuất của tác giả)

### Mẫu nghiên cứu và phương pháp thu thập

Do số lượng sinh viên của trường Đại học Văn Lang thay đổi theo năm, nhóm tác giả không xác định được chính xác kích thước của tổng thể nên kích thước mẫu tối thiểu sẽ được xác định theo công thức:

$$n = \frac{Z^2 p(1 - p)}{e^2}$$

Trong nghiên cứu này, chúng tôi lựa chọn độ tin cậy là 95%, do đó giá trị  $Z = 1.96$ . Tỷ lệ ước lượng thành công  $p$  được chọn là 0.5. Sai số cho phép được chọn là  $e=5\%$ .

Do đó, kích thước mẫu tối thiểu trong nghiên cứu này là:

$$n = \frac{Z^2 p(1 - p)}{e^2} = \frac{(1.96)^2 \times 0.5 \times (1 - 0.5)}{0.05^2} = 384,16$$

Như vậy, trong nghiên cứu này, tác giả sẽ tiến hành khảo sát 490 sinh viên trường Đại học Văn Lang.

Để thu thập mẫu nghiên cứu, chúng tôi thực hiện chọn mẫu theo phương pháp chọn mẫu phi xác suất. Cụ thể, chúng tôi tiến hành phát bảng khảo sát bằng mã QR hoặc bằng bảng câu hỏi được gửi qua email của các sinh viên trường Đại học Văn Lang.

### Phương pháp xử lý dữ liệu

Trong nghiên cứu này, tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu hỗn hợp bao gồm phương pháp nghiên cứu định tính và phương pháp nghiên cứu định lượng. Cụ thể:

Phương pháp nghiên cứu định tính được sử dụng để phát triển các giả thuyết nghiên cứu, mô hình nghiên cứu và các thang đo trong mô hình nghiên cứu.

Phương pháp nghiên cứu định lượng được sử dụng như sau: (i) Kiểm định độ tin cậy Cronbach's Alpha để đánh giá độ tin cậy của thang đo và các biến quan sát trong từng thang đo; (ii) Phân tích nhân tố khám phá (EFA) để xác định các nhân tố đại diện cho các biến quan sát của các thang đo trong mô hình; (iii) Phân tích hồi quy bội (OLS) để xác định các nhân tố ảnh hưởng và kiểm định các giả thuyết nghiên cứu đã được phát triển.

### KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

Nghiên cứu đã tiến hành gửi bảng câu hỏi phỏng vấn bằng mã QR và qua địa chỉ email của 490 sinh viên trường Đại học Văn Lang. Số phiếu khảo sát thu về đảm bảo đầy đủ thông tin để tiến hành phân tích là 480. Thống kê mô tả mẫu theo giới tính và khóa học của sinh viên được trình bày trong bảng bên dưới.

**Bảng 2. Thống kê mô tả mẫu theo giới tính và năm học**

			Năm học				Tổng cộng/ phần trăm
			K23	K24	K25	K26	
Giới tính	Nữ	Số lượng	56	68	52	52	228
		Phần trăm trong mẫu	11.7%	14.2%	10.8%	10.8%	47.5%
	Nam	Số lượng	16	180	32	24	252
		Phần trăm trong mẫu	3.3%	37.5%	6.7%	5.0%	52.5%
Tổng cộng		Số lượng	72	248	84	76	480
		Phần trăm trong mẫu	15.0%	51.7%	17.5%	15.8%	100.0%

Bảng 2 cho thấy tỷ lệ sinh viên nữ và nam trong mẫu là tương đối đồng đều. Bên cạnh đó, tỷ lệ sinh viên khóa 24 chiếm nhiều nhất trong mẫu với 248 sinh viên, chiếm tỷ lệ 51.7%

*Nguồn: Tính toán từ phần mềm SPSS 20.0*

Tiếp theo chúng tôi tiến hành kiểm định độ tin cậy của các thang đo trong mô hình bằng hệ số Cronbach's Alpha và phân tích nhân tố khám phá (EFA) với các nhân tố độc lập. Kết quả được trình bày trong bảng bên dưới:

**Bảng 3. Kết quả kiểm định độ tin cậy và phân tích nhân tố khám phá (EFA) với các nhân tố độc lập**

	TT	TG	KN	Cronbach's Alpha
TT5	0.819			0.900
TT4	0.813			
TT3	0.750			
TT2	0.745			
TT1	0.694			
TG2		0.812		0.875
TG4		0.745		
TG3		0.744		
TG1		0.726		
TG5		0.707		
KN4			0.771	0.851
KN3			0.749	
KN1			0.735	
KN5			0.701	
KN2			0.540	
Giá trị Eigenvalues	7.416	1.643	1.243	KMO = 0.881

Tổng phương sai trích	49.443	60.393	68.681	<b>Kiểm định Bartlett</b> Sig. = 0.000
-----------------------	--------	--------	--------	---

(Nguồn: Tính toán từ phần mềm SPSS 20.0)

Kết quả kiểm định độ tin cậy cho thấy các thang đo trong mô hình đều có hệ số Cronbach's Alpha lớn hơn 0.6. Bên cạnh đó, hệ số tương quan biến-tổng của các biến quan sát trong từng thang đo đều có giá trị lớn hơn 0.3. Do đó, các thang đo đều đảm bảo độ tin cậy để tiến hành phân tích nhân tố khám phá (EFA).

Hệ số KMO có giá trị là 0.881 lớn hơn 0.5 và nhỏ hơn 1, cho thấy phân tích nhân tố khám phá phù hợp với dữ liệu. Kiểm định Bartlett có giá trị sig là 0.000 nhỏ hơn mức ý nghĩa  $\alpha$  bằng 1% do đó các biến quan sát có tương quan với nhân tố đại diện.

Kết quả phân tích nhân tố khám phá EFA trích ra được 3 nhân tố đại diện cho 15 biến quan sát trong các thang đo tại giá trị Eigenvalues là 1.243 lớn hơn 1.

Bên cạnh đó, 3 nhân tố đại diện giải thích được 68.681% (lớn hơn 50%) mức độ biến động của 15 biến quan sát trong thang đo. Các nhân tố trích ra được như sau:

Nhân tố 1 bao gồm TT1, TT2, TT3, TT4, TT5 đặt tên cho nhân tố là TT đại diện cho sự tương tác với giảng viên.

Nhân tố 2 bao gồm TG1, TG2, TG3, TG4, TG5 đặt tên cho nhân tố là TG đại diện sự tham gia lớp học.

Nhân tố 3 bao gồm KN1, KN2, KN3, KN4, KN5 đặt tên cho nhân tố là KN đại diện cho khả năng tự học

Kết quả kiểm định độ tin cậy Cronbach's Alpha và phân tích nhân tố khám phá (EFA) với các nhân tố phụ thuộc được trình bày trong bảng sau:

**Bảng 4. Kết quả kiểm định độ tin cậy và phân tích nhân tố khám phá (EFA) với các nhân tố độc lập**

	DLHT	Cronbach's Alpha
KQ2	0.855	0.847
KQ1	0.850	
KQ3	0.770	
KQ4	0.751	
KQ5	0.734	
Giá trị Eigenvalues	3.150	KMO = 0.832 <b>Kiểm định Bartlett</b> Sig. = 0.000
Tổng phương sai trích	63.005	

(Nguồn: Tính toán từ phần mềm SPSS 20.0)

Kết quả kiểm định độ tin cậy cho thấy thang đo kết quả học tập có hệ số Cronbach's Alpha lớn hơn 0.6. Bên cạnh đó, hệ số tương quan biến-tổng của các biến quan sát trong từng thang đo đều có

giá trị lớn hơn 0.3. Do đó, thang đo đảm bảo độ tin cậy để tiến hành phân tích nhân tố khám phá (EFA).

Hệ số KMO có giá trị là 0.832 lớn hơn 0.5 và nhỏ hơn 1, cho thấy phân tích

nhân tố khám phá phù hợp với dữ liệu. Kiểm định Bartlett có giá trị sig là 0.000 nhỏ hơn mức ý nghĩa  $\alpha$  bằng 1% do đó các biến quan sát có tương quan với nhân tố đại diện.

Kết quả phân tích nhân tố khám phá EFA trích ra được 1 nhân tố đại diện cho 5 biến quan sát trong các thang đo tại giá trị Eigenvalues là 3.150 lớn hơn 1. Bên cạnh đó, 1 nhân tố đại diện giải thích được 63.005% (lớn hơn 50%) mức độ biến động của 5 biến quan sát trong

thang đo. Nhân tố trích ra được bao gồm: KQ1, KQ2, KQ3, KQ4, KQ5 đặt tên nhân tố là KQ đại diện cho kết quả học tập của sinh viên trường đại học Văn Lang.

Để kiểm định các giả thuyết nghiên cứu nhằm xác định các nhân tố tác động đến kết quả học tập của sinh viên trường đại học Văn Lang, chúng tôi thực hiện phân tích hồi quy bội. Kết quả được trình bày trong bảng sau:

**Bảng 5. Kết quả ước lượng mô hình**

Các biến số	Hệ số hồi quy chưa chuẩn hóa		Hệ số hồi quy chuẩn hóa	t	Sig.	Thống kê cộng tuyến	
	Hệ số	Sai số chuẩn				Tolerance	VIF
(Constant)	7.613E-17	0.035		0.000	1.000		
CLGV	0.312	0.035	0.312	9.028	0.000	1.000	1.000
DKHT	0.538	0.035	0.538	15.542	0.000	1.000	1.000
CTQL	0.210	0.035	0.210	6.078	0.000	1.000	1.000
Durbin - Watson	2.053						
Kiểm định F	Sig.	0.000					

(Nguồn: Tính toán từ phần mềm SPSS 20.0)

Kiểm định F có giá trị Sig. là 0.000 nhỏ hơn mức ý nghĩa  $\alpha$  là 1%. Như vậy, tồn tại ít nhất một hệ số hồi quy khác 0 và mô hình có ý nghĩa.

Bảng 5 cho thấy kiểm định đa cộng tuyến có hệ số VIF của các biến độc lập

trong mô hình đều nhỏ hơn 5. Như vậy, mô hình không có hiện tượng đa cộng tuyến. Bên cạnh đó, bảng 5 cũng cho thấy hệ số Durbin – Watson có giá trị là 2,053, lớn hơn 1 nhỏ hơn 3 nên mô hình không có hiện tượng tự tương quan.

**Bảng 6. Kết quả kiểm định phương sai thay đổi**

		RES2	TT	TG	KN	
Spearman's rho	RES2	Correlation Coefficient	1.000	0.039	-0.202**	-0.079
		Sig. (2-tailed)	.	0.394	0.000	0.084
		N	480	480	480	480
	TT	Correlation Coefficient	0.039	1.000	0.018	0.026
		Sig. (2-tailed)	0.394	.	0.697	0.566
		N	480	480	480	480
	TG	Correlation Coefficient	-0.202**	0.018	1.000	0.027
		Sig. (2-tailed)	0.000	0.697	.	0.560

	N	480	480	480	480
KN	Correlation Coefficient	-0.079	0.026	0.027	1.000
	Sig. (2-tailed)	0.084	0.566	0.560	.
	N	480	480	480	480

\*\* . Correlation is significant at the 0.01 level (2-tailed).

(Nguồn: Tính toán từ phần mềm SPSS 20.0)

Bảng 6 cho thấy các hệ số tương quan Spearman, của biến TG với bình phương sai số của mô hình hồi quy, có ý nghĩa thống kê ở mức ý nghĩa 1%. Do đó, mô hình có hiện tượng phương sai thay đổi.

Để khắc phục hiện tượng này, chúng tôi sử dụng phương pháp ước lượng robust để khắc phục hiện tượng phương sai thay đổi. Kết quả được trình bày trong bảng sau

**Bảng 7. Kết quả ước lượng mô hình bằng phương pháp robust**

Parameter	B	Std. Error	95% Wald Confidence Interval		Hypothesis Test		
			Lower	Upper	Wald Chi-Square	df	Sig.
(Intercept)	3.110E-17	0.0344	-0.067	0.067	0.000	1	1.000
TT	0.312	0.0301	0.253	0.371	107.268	1	0.000
TG	0.538	0.0378	0.463	0.612	202.123	1	0.000
KN	0.210	0.0434	0.125	0.295	23.496	1	0.000
(Scale)	0.568 <sup>a</sup>	0.0367	0.501	0.645			

Biến phụ thuộc: KQ  
 Các biến độc lập: (Intercept), TT, TG, KN  
 a. Maximum likelihood estimate.

(Nguồn: Tính toán từ phần mềm SPSS 20.0)

Bảng 7 cho thấy các hệ số hồi quy tương ứng với các biến TT, TG, KN đều có giá trị Sig nhỏ hơn mức ý nghĩa 5%, nên các hệ số hồi quy tương ứng với các biến TT, TG, KN đều ý nghĩa thống kê ở mức ý nghĩa 5%. Như vậy, tương tác với giảng viên, sự tham gia vào lớp học, khả năng tự học đều có tác động đến kết quả học tập của sinh viên trường đại học Văn Lang và các giả thuyết H1, H2, H3 là đúng. Kết quả này cũng phù hợp với các nghiên cứu của Ko và cộng sự (2015), Kim (2015), Đặng Thu Hà (2017). Bên cạnh đó, hệ số hồi quy tương ứng với các biến này đều có giá trị dương cho thấy tương tác với giảng viên, sự tham gia vào lớp học, khả năng tự học đều có tác

động tích cực đến kết quả học tập của sinh viên trường đại học Văn Lang.

### HÀM Ý CHÍNH SÁCH

Kết quả nghiên cứu cho thấy tương tác với giảng viên, sự tham gia vào lớp học, khả năng tự học đều có tác động tích cực đến kết quả học tập của sinh viên trường đại học Văn Lang. Do đó, để nâng cao kết quả học tập của sinh viên, trường đại học Văn Lang cần chú trọng nâng cao sự hài lòng của sinh viên về các nhân tố này. Cụ thể:

Nhà trường cần chú trọng nâng cao chất lượng giảng dạy của đội ngũ giảng viên, khuyến khích giảng viên trao đổi, thảo luận nhiều hơn với sinh viên thông qua các bài tập nhóm, tiểu luận nhóm, gia

tăng khả năng tư vấn nghề nghiệp của đội ngũ giảng viên.

Về sự tham gia lớp học, cần đa dạng các hoạt động giảng dạy, sử dụng các tình huống có khả năng khuyến khích sự tò mò của sinh viên để gia tăng động lực tham gia lớp học của sinh viên.

Về khả năng tự học, cần có các biện pháp nâng cao năng lực tự học của sinh viên, cải thiện kỹ năng tự học, gia tăng các hoạt động nghiên cứu liên quan đến công việc và nghề nghiệp với sự tham gia của sinh viên.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Cavas, P. (2011). Factors affecting the motivation of Turkish primary students for science learning. *Science Education International*, 22, 31–42
- Đặng Thu Hà (2017). Sự ảnh hưởng của các nhân tố đến kết quả học tập của sinh viên hệ liên thông cao đẳng – đại học ngành kế toán, trường đại học Công nghiệp Hà Nội. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ*, 42, 122- 128.
- Dornyei, Z., & Csizer, K. (1998). Ten commandments for motivating language learners: Results of an empirical study. *Language Teaching Research*, 2, 203–229.
- Kim, E. (2015). Effect of discussion activities and interactions with faculty to mediate self-directed learning capability on learning outcomes of college students. *KEDI Journal of Educational Policy*, 12(2), 173-196.
- Ko, J. W., Sumee P., Hyun S. Y., Seon-joo K., & Dong, M. K. (2016). The Structural Relationship Between Student Engagement and Learning Outcomes in Korea. *The Asia - Pacific Education Researcher*, 25(1), 147-157.

### PHỤ LỤC

Bảng câu hỏi khảo sát được nhóm nghiên cứu mã hóa dưới dạng mã QR:

